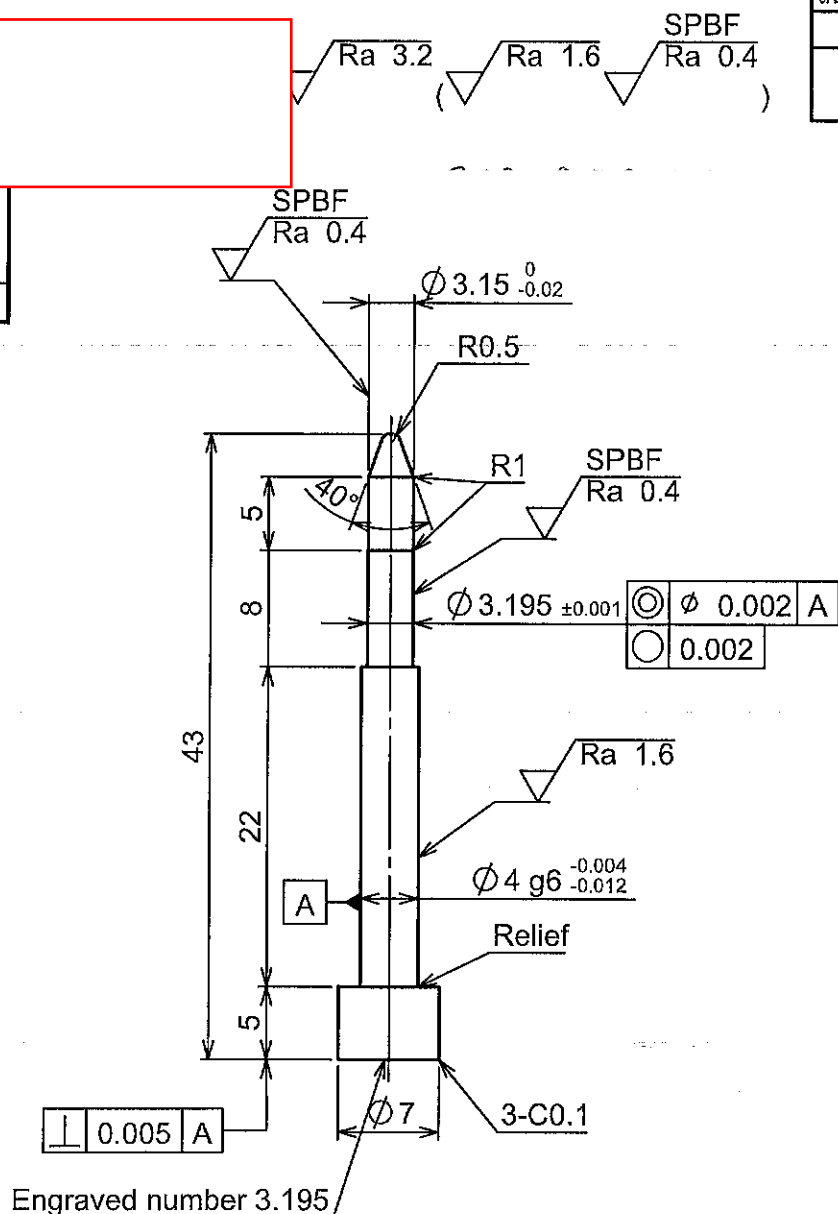


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2021/12/21	New production	DVB-0628	Dang_Dinh_Tuan	Nguyen_Van_Thao	Ha_Ngoc_Tien	$0.5 \leq \leq 6$	$\pm 0.1$
							$6 < \leq 30$	$\pm 0.2$
							$30 < \leq 120$	$\pm 0.3$
							$120 < \leq 400$	$\pm 0.5$

TOLERANCES NOT OTHERWISE  
SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-III, JIS B 0410-k

FINISH MARKS

Unspecified  
Corner C0.1

S CHUẨN

CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Nguyen_Phuc_Bao	WC(D30)		部品図 PART DRAWING	サイジングピン SIZING PIN
DSGND.	SURFACE	SCALE	部品圖 部品圖	整形銷 整形銷
Ha_Ngoc_Tien		2:1	DATE	DWG.No.
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	2021/12/21	R440041
Ha_Ngoc_Tien	HRC °~°	A4		

SNO: **R440041**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
	GR:25 GS1:20 GC:135 GP:60 GS2:20 AF:10 AL:5 KT